

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang- Thư ký TAND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuỳ Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Hồng P** – Sinh năm: 198x - Địa chỉ: Tổ 6x phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Hồ Thăng T** - Sinh năm: 197x - Địa chỉ: 67x đường L, tổ 3x phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông: **Phan Tấn T** - Sinh năm: 195x và Bà: **Hồ Thị Kim A** - Sinh năm: 195x- Cùng trú tại: 0x đường N 4, phường H, quận , thành phố Đà Nẵng. Ông T có mặt, bà A vắng mặt.

3.2 Công ty **TNHH Đ**- Địa chỉ: Số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị Hồng N**- Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Phan Hồng P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn chúng bà tại sống tại 0x N 1, tổ 6x phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì giữa chúng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Trước đây, bà đã ly hôn một lần nhưng vì con

bà đã quay về chung sống lại nhưng thật sự về tình cảm đã nguội lạnh. Nay bà xác định về tình cảm không còn thương yêu ông T nữa, nguyện vọng của bà xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Diệu L – Sinh ngày: 0x/1x/201x và Hồ Thăng B – Sinh ngày: 0x/0x/201x. Ly hôn bà P có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là Hồ Diệu L và Hồ Thăng B cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con (2.500.000 đồng/ con).

Lý do bà muốn nuôi cả 02 con là vì các con, bà có đủ điều kiện về kinh tế, hoàn cảnh, môi trường để chăm sóc các con một cách tốt nhất; bản thân ông T hiện đang có bệnh trong người nên không đủ điều kiện để chăm sóc con.

- Về tài sản chung: Bà Phan Hồng P xác định không có. Đối với yêu cầu chia đất và nhà tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng của ông T thì bà có ý kiến sau:

Về đất: Đây là tài sản riêng của bà hình thành trước hôn nhân, nguồn gốc là do cha mẹ của bà cho bà. Việc ông T cho rằng có chung tiền 200 triệu với cha mẹ của bà để mua lô đất đó với giá 800 triệu. Nay ly hôn ông đòi chia theo tỷ lệ phần trăm tiền ông góp vào lô đất này là không có cơ sở.

Về nhà: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà P xác nhận năm 2010 ông T có chuyển cho bà 200 triệu với phương thức chuyển khoản vào tài khoản của bà. Đây là số tiền ông T cho bà trong thời gian đang yêu nhau. Sau khi kết hôn và làm nhà thì bà P đã đưa số tiền này vào tài sản chung để làm nhà. Bà P cho rằng khi làm nhà đều là tiền do cha mẹ bà cho mượn. Nay ông T đòi chia nhà thì bà không đồng ý.

- Về nợ chung: Bà Phan Hồng P xác định không có.

Bà đồng ý với kết quả Chứng thư thẩm định giá ngày 27/5/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ và Chứng thư thẩm định giá ngày 27/6/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ.

*** *Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn – ông Hồ Thăng T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn ông hoàn toàn thống nhất với trình bày của bà P. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì bản thân ông nhận thấy không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay bà P yêu cầu ly hôn ông, thì ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hồ Diệu L – Sinh ngày: 0x/1x/201x và Hồ Thăng B – Sinh ngày: 0x/0x/201x. Ly hôn nguyện vọng của ông xin được nuôi cháu Hồ Thăng B; giao con Hồ Diệu L cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông không có bệnh gì trong người, ông chỉ bị trầm cảm và đang điều trị uống thuốc. Ông nghĩ bệnh này là bình thường và không ảnh hưởng đến việc ông chăm nom và nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung:

+ Ông xác định vợ chồng ông có 01 lô đất tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng. Vào năm 2010 ông và bà P chưa kết hôn nhưng ông có chung tiền 200 triệu với cha mẹ bà P để mua lô đất đó với giá 800 triệu. Lô đất đứng tên bà Phan Hồng P. Ly hôn ông có nguyện vọng được nhận lại theo tỷ lệ phần trăm tiền ông góp vào lô đất này tại thời điểm hiện tại.

+ Ngoài ra, sau khi kết hôn vợ chồng ông có bỏ tiền ra xây một ngôi nhà cấp 3 trên lô đất trên vào năm 2016. Nay ly hôn ông đề nghị định giá ngôi nhà trên để chia đôi giá trị, giao nhà cho bà P quản lý sử dụng, bà P bồi trả cho ông ½ giá trị ngôi nhà.

Theo kết quả định giá tài sản của Công ty TNHH định giá Đ thì ông đồng ý, giá trị nhà thời điểm hiện tại là: 1.368.084.000 đồng. Ông đề nghị bà P bồi trả lại cho ông 684.042.000 đồng.

Ông đồng ý với kết quả Chứng thư thẩm định giá ngày 27/5/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ và Chứng thư thẩm định giá ngày 27/6/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ.

- Về nợ chung: Ông Hồ Thăng T xác định không có.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông Phan Tấn T và bà Hồ Thị Kim A có ý kiến:** Năm 2010 vợ chồng ông bà có mua thửa đất số 5-B3 KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng) cho con gái là Phan Hồng P (sinh năm 198x), lúc này cháu đang là sinh viên Đại học năm 2.

Đến năm 2012, con gái ông bà mới lập gia đình với ông Hồ Thăng T. Khi ông T về làm rể nhà thì ông bà đã mua đất ở đường B cho cháu P rồi. Ông, bà không đề nghị ông T góp tiền mua đất. Do đó, hoàn toàn không có việc ông T chung mua đất với vợ chồng ông với số tiền 200.000.000 đồng và cũng không có việc vợ chồng ông thống nhất với ông T để cho con gái ông là P đứng tên lô đất theo khởi kiện của ông T.

Sau khi ông T mở đoạn ghi âm mà ông T cung cấp cho Tòa án, ông T có ý kiến như sau: Việc ghi âm này là lén lút, không được sự cho phép của ông nên ông không đồng ý với chứng cứ này. Ông T cho rằng mình bị nặng tai nên ông T không xác định được giọng nói trong đoạn ghi âm trên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- đại diện Công ty T có ý kiến:** Ngày 11/10/2022, Công ty có ký hợp đồng với bà Phan Hồng P để thuê quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, thời hạn thuê là 01 năm với số tiền 8.000.000 đồng/tháng (hợp đồng có công chứng). Trong quá trình thuê thì Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và thanh toán tiền thuê đất đầy đủ.

Vì tính chất công việc thường xuyên phải đi công tác liên tục, đột xuất mà không có kế hoạch trước vì vậy đại diện công ty xin phép vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hoà giải và các phiên xét xử của Tòa án liên quan đến vụ án này.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật, thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho bà Phan Hồng P được ly hôn đối với ông Hồ Thăng T.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao 02 con chung là Hồ Diệu L – Sinh ngày: 0x/1x/201x và Hồ Thăng B – Sinh ngày: 0x/0x/201x cho bà Phan Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; ông Hồ Thăng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con (2.500.000 đồng/con).

- Về tài sản chung: Căn cứ Điều 33, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Xác định thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), tờ bản đồ 36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, cập nhật chỉnh lý biến động sang tên bà Phan Hồng P ngày 04/5/201x được hình thành trước khi hôn nhân giữa bà P và ông T nên đây là tài sản riêng của bà Phan Hồng P.

Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Phan Hồng P và ông Hồ Thăng T là: 01 căn nhà 3 tầng, tường xây, sàn BTCT, mái BTCT, nền gạch men, có diện tích xây dựng: 72m², diện tích sàn: 259,5m² (có Giấy phép xây dựng số 740/GPXD do Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/4/2016) được xây dựng trên Thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), tờ bản đồ 36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, cập nhật thay đổi sang tên bà Phan Hồng P ngày 04/5/2010. Theo chứng thư thẩm định giá số 59/CT-TĐG-DNVC ngày 27/5/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ thì tài sản là vật kiến trúc gắn liền trên đất có giá trị là 1.368.084.000 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, không trăm tám bốn nghìn đồng). Bà Phan Hồng P, ông Hồ Thăng T mỗi người được hưởng 50% giá trị căn nhà tương đương với số tiền: 1.368.084.000 đồng/2= 684.042.000 đồng. Giao cho bà Phan Hồng P được toàn quyền sở hữu 01 căn nhà 3 tầng, tường xây, sàn BTCT, mái BTCT, nền gạch men, có diện tích xây dựng: 72m², diện tích sàn: 259,5m² (Giấy phép xây dựng số 740/GPXD do Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/4/2016) được xây dựng trên Thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), tờ bản đồ 36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, cập nhật thay đổi sang tên bà Phan Hồng P ngày 04/5/201x. Bà Phan Hồng P có trách nhiệm bồi trả cho ông Hồ Thăng T số tiền 684.042.000 đồng. Bà Phan Hồng P được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà nói trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

- Về nợ chung: Bà Phan Hồng P và ông Hồ Thăng T xác định vợ chồng không có, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện của bà Phan Hồng P nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Phan Tấn T, bà Hồ Thị Kim A, đại diện hợp pháp Công ty TNHH Đ có đơn đề nghị xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Bà Phan Hồng P và ông Hồ Thăng T đăng ký kết hôn vào năm 201x tại UBND phường H, quận H, Tp Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 7x, cấp ngày 15/6/201x. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống chung tại tổ 6x phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khác biệt nhau về quan điểm sống và tính tình, vợ chồng không tìm được điểm chung để giải quyết và ảnh hưởng đến con cái. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, bà yêu cầu được ly hôn đối với ông T. Còn về phía ông T, ông cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà P và ông T lại không làm được điều này. Quá trình chung sống cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn âm ỉ kéo dài, bà P đã từng gửi đơn đến Tòa án N yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T, qua hoà giải thì ông bà đã trở về chung sống với nhau. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân vẫn bế tắc. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Hồng P đối với ông Hồ Thăng T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Phan Hồng P và ông Hồ Thăng T xác định có 02 con chung là: Hồ Diệu L – Sinh ngày: 0x/1x/201x và Hồ Thăng B – Sinh ngày: 0x/0x/201x. Ly hôn, bà Phan Hồng P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con (2.500.000 đồng/ con). Về phía ông T có nguyện vọng được nuôi cháu Hồ Thăng B; giao con Hồ Diệu L cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt

của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại cả hai con đều ở với mẹ, căn cứ vào ý kiến của các con thì thấy cả 02 con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, bản thân ông T hiện đang điều trị bệnh trầm cảm. Do đó, cần giao các con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng để các con ổn định cuộc sống và môi trường học tập là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 5.000.000 đồng (2.500.000 đồng/con). HĐXX xét thấy phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Về đất: Thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), tờ bản đồ 36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1 đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, cập nhật chỉnh lý biến động sang tên bà Phan Hồng P ngày 04/5/201x được hình thành trước khi hôn nhân giữa bà P và ông T. Căn cứ Điều 43 Luật HN&GD xác định đây là tài sản riêng của bà Phan Hồng P.

Bị đơn- ông T cho rằng, trước khi kết hôn với bà P ông có gửi 200 triệu đồng chuyển khoản cho bà P để góp chung với cha mẹ bà P là ông Phan Tấn T và bà Hồ Thị Kim A để mua lô đất này với giá 800 triệu đồng. Nay ly hôn ông yêu cầu được nhận phần giá trị lô đất theo tỷ lệ mà ông đã đóng góp. Với yêu cầu này, về phía nguyên đơn- bà P và cha mẹ bà P là ông T và bà A không đồng ý. Bà P xác nhận có việc chuyển khoản 200 triệu đồng nhưng đây là số tiền ông T cho bà P trong thời kỳ yêu nhau và sau khi kết hôn và làm nhà thì bà P đã đưa số tiền này vào tài sản chung để làm nhà. Còn ông T, bà A xác định không có việc chung mua đất như ông T trình bày, số tiền mua đất hoàn toàn là tiền của ông, bà bỏ ra mua để cho con gái là bà P.

Ông T đã cung cấp cho Tòa án 01 file ghi âm giọng nói của ông T để chứng minh việc ông T thừa nhận có sự việc ông góp chung với ông T, bà A để mua lô đất tại địa chỉ số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng. Tuy nhiên, ông T không xác định giọng nói trong file ghi âm trên. Phía bị đơn- ông T có đơn yêu cầu giám định giọng nói trong file âm này nhưng không cung cấp được mẫu so sánh nên không thể thực hiện được việc giám định. Ngoài ra, bị đơn- ông T không cung cấp được chứng cứ gì thêm. Do vậy, không có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu của ông T.

[4.2] Về nhà: Trong thời kỳ hôn nhân, bà P và ông T có tạo lập được 01 căn nhà 3 tầng, tường xây, sàn BTCT, mái BTCT, nền gạch men, có diện tích xây dựng: 72m², diện tích sàn: 259,5m² (có Giấy phép xây dựng số 740/GPXD ngày 21/4/2016) xây dựng trên thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), tờ bản đồ

36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng). Theo chứng thư thẩm định giá số 59/CT-TĐG-DNVC ngày 27/5/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ thì tài sản là vật kiến trúc gắn liền trên đất có giá trị là 1.368.084.000 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, không trăm tám bốn nghìn đồng).

Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà P, ông T hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn- ông T có yêu cầu chia tài sản chung là giá trị căn nhà tại địa chỉ số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng theo quy định pháp luật, HĐXX thấy phù hợp nên cần chấp nhận. Theo đó, bà P và ông T mỗi người được hưởng 50% giá trị ngôi nhà: $1.368.084.000 \text{ đồng} / 2 = 684.042.000 \text{ đồng}$

Do quyền sử dụng đất hiện đứng tên bà P nên cần giao toàn bộ ngôi nhà cho P được quyền sở hữu, bà P có trách nhiệm bồi trả cho ông T phần $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là 684.042.000 đồng.

Đối với ý kiến của bà P về việc toàn bộ số tiền làm ngôi nhà này có nguồn gốc là tiền mượn của cha mẹ bà P. Tuy nhiên, bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

[4.3] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, ông T có yêu cầu chia đôi số tiền thuê nhà kể từ năm 2010 cho đến nay. Tuy nhiên, ông T cũng đã rút yêu cầu trên nên Tòa án không tiến hành thủ tục thụ lý bổ sung yêu cầu chia tiền thuê nhà là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Bà Phan Hồng P và ông Hồ Thăng T xác định vợ chồng không có, nên không đề cập đến.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phan Hồng P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồ Thăng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí DSST: Bà P, ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá đất, chi phí định giá nhà: 4.000.000 đồng + 28.000.000 đồng + 12.000.000 đồng, tổng cộng: 44.000.000 đồng. Ông Hồ Thăng T tự nguyện chịu (ông T đã nộp và đã chi xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 33, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tranh chấp chia tài sản chung" của bà Phan Hồng P đối với ông Hồ Thăng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Hồng P được ly hôn ông Hồ Thăng T.

(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Hồng P đối với ông Hồ Thăng T nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 7x, do Ủy ban nhân dân phường H, quận H, Tp Đà Nẵng cấp ngày 15/6/201x không còn giá trị pháp lý).

2. Về quan hệ con chung: Xử: Giao 02 con chung là Hồ Diệu L – Sinh ngày: 0x/1x/201x và Hồ Thăng B – Sinh ngày: 0x/0x/201x cho bà Phan Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; ông Hồ Thăng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con (2.500.000 đồng/con). Thời gian thực hiện nghĩa vụ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Phan Hồng P và ông Hồ Thăng T là: 01 căn nhà 3 tầng, tường xây, sàn BTCT, mái BTCT, nền gạch men, có diện tích xây dựng: 72m², diện tích sàn: 259,5m² (có Giấy phép xây dựng số 740/GPXD do Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/4/2016) được xây dựng trên Thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), từ bản đồ 36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, cập nhật thay đổi sang tên bà Phan Hồng P ngày 04/5/201x. Theo chứng thư thẩm định giá số 59/CT-TĐG-DNVC ngày 27/5/2024 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đ thì tài sản là vật kiến trúc gắn liền trên đất có giá trị là 1.368.084.000 đồng (Một tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, không trăm tám bốn nghìn đồng).

3.1 Bà Phan Hồng P, ông Hồ Thăng T mỗi người được hưởng 50% giá trị căn nhà tương đương với số tiền: 1.368.084.000 đồng/2= 684.042.000 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

3.2 Giao cho bà Phan Hồng P được toàn quyền sở hữu 01 căn nhà 3 tầng, tường xây, sàn BTCT, mái BTCT, nền gạch men, có diện tích xây dựng: 72m², diện tích sàn: 259,5m² (Giấy phép xây dựng số 740/GPXD do Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/4/2016) được xây dựng trên Thửa đất số 5-B3 (nay là thửa đất 53), từ bản đồ 36, KDC phía Đông khu số 4 KĐT mới Nam cầu T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (địa chỉ hiện tại số 1x đường B, phường K,

quận N, Tp Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 599xxx do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/3/201x, cập nhật thay đổi sang tên bà Phan Hồng P ngày 04/5/201x.

3.3 Bà Phan Hồng P có trách nhiệm bồi trả cho ông Hồ Thăng T số tiền 684.042.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3.4 Bà Phan Hồng P được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà nói trên theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

4. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phan Hồng P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phan Hồng P đã nộp tại biên lai thu số 156x ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Hồ Thăng T phải chịu.

Án phí DSST: Bà Phan Hồng P phải chịu 34.202.100 đồng. Ông Hồ Thăng T phải chịu 34.202.100 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.000.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số 161x ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá đất, chi phí định giá nhà: Ông Hồ Thăng T tự nguyện chịu (ông T đã nộp và đã chi xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm